

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-6-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Chí L, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp E, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Ấp E, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: nhà trọ A, đường số B, khu phố L, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mai Chí L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Chí L và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số I ngày 25-12-2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến hay cãi vã, ông L và bà L đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, mạnh ai nấy sống, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông L và bà L có 02 con chung tên là Mai Thị Kim P, sinh ngày 17-10-2000 và Mai Hoàng L, sinh ngày 26-3-2002, hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bà L không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Chí L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Chí L và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số I ngày 25-12-2005, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, ông L và bà L không còn sống từ năm 2013, quá trình tố tụng tại Tòa án, bà L không đến Tòa án cho thấy bà L không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời ông L xác định không còn tình cảm và kiên

quyết ly hôn, do vậy có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và Loan không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông L và bà L có 02 con chung là Mai Thị Kim P, sinh ngày 17-10-2000 và Mai Hoàng L, sinh ngày 26-3-2002. Xét thấy, các con chung đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai Chí L phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Chí L đối với bà Nguyễn Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Chí L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

1.2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai Chí L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037714 ngày 04-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết